

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **39/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/6/2023

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trung

Bà Nguyễn Thị Việt

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Phạm Thị Thùy T**, sinh năm: 1994.

Nơi thường trú: Số 23/T, tổ 1, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Số D2/064, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- ***Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Đình S**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Số 23/T, tổ 1, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(*Chị T, anh S vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Đình S có quen biết từ khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/10/2012. Đây là hôn nhân lần đầu của tôi.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng tại địa chỉ số 23/T, tổ 1, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai được khoảng 2 năm thì vợ chồng chuyển về sống tại số D2/064, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Thời

gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì, đến năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân do anh S không biết lo cho gia đình, con cái, thậm chí anh S không nhận cháu Nguyễn Ngọc Phương U là con. Anh S thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, không lo làm lo cho gia đình, dần dần vợ chồng xa cách và hiện tại tôi không còn tình cảm với chồng nữa. Tôi đã nhiều lần tha thứ cho anh S để vợ chồng hòa giải đoàn tụ chăm lo cho con cái, nhưng anh S vẫn chứng nào tật nấy không chịu sửa đổi.

Đến khoảng 5/2019 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân nhau cho đến nay, anh S về nhà cha mẹ đẻ ở T sinh sống, còn tôi vẫn sống tại nhà tại xã Q, từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, mạnh ai nấy sống, anh S không về thăm con, chỉ có cuối tuần tôi thỉnh thoảng chở con về nhà để chơi với bà nội. Tuy nhiên có gặp con anh S cũng có thái độ thờ ơ không quan tâm đến con. Từ đó đến nay anh S không chu cấp nuôi con, cũng không quan tâm hỏi han con. Hiện nay tôi đã hết tình cảm với chồng, hai vợ chồng đã không còn quan tâm cuộc sống của nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng và không có hướng khắc phục.

Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Đình S để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 06/05/2019. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, do tại đơn khởi kiện tôi chỉ có ý kiến yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con để anh S có trách nhiệm với con, tuy nhiên hiện nay anh S không quan tâm con cũng không nhận con nên tôi thay đổi yêu cầu, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay tôi làm công nhân thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 6-7 triệu đồng. Ngoài ra tôi sống cùng cha mẹ nên có điều kiện được cha mẹ phụ giúp việc chăm sóc và nuôi dạy con cũng như đưa đón con đi học.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến trình bày của bị đơn anh Nguyễn Đình S:** Anh S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh chỉ cung cấp một bản tự khai cho Tòa án trình bày không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T, ngoài ra anh không cung cấp thêm văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các buổi làm việc và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận thêm ý kiến trình bày khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, tuy nhiên nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Phạm Thị Thùy T được ly hôn với anh Nguyễn Đình S.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 06/5/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh Suồng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn anh Nguyễn Đình S hiện đang cư trú tại số 23/T, tổ 1, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/10/2012. Căn cứ các Điều 9, 11 của

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị T và anh S là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh S, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của đương sự tại tòa án cho thấy quá trình chung sống giữa vợ chồng chị T và anh S đã để xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có. Chị T và anh S đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Mặc dù sự việc này không được anh S thừa nhận nhưng lời khai của chị T phù hợp với kết quả xác minh tại UBND xã G. Theo biên bản xác minh ngày 14/3/2023 của ông Vũ Kim D là trưởng ấp P cung cấp thông tin: “... được biết chị T và anh S đã sống ly thân ...”. Mặt khác, quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy anh S có thái độ bỏ mặc, không còn sự quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm của anh và chị T đã bị rạn nứt. Chị T và anh S cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Tòa án cũng không có điều kiện để hòa giải mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị. Nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ để chung sống, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 06/05/2019. Hiện con chung đang sống cùng chị T.

Xét yêu cầu, ý kiến của đương sự trong vấn đề nuôi dưỡng con chung, nhận thấy: Quá trình vợ chồng chị T và anh S xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân, cháu Uyên do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không thăm nom con, cũng không phụ cấp, giúp đỡ chị T trong việc nuôi dưỡng con chung. Chị T làm công nhân nên có nghề nghiệp và thu nhập ổn định thu nhập bình quân từ 6 đến 7 triệu/tháng. Ngoài ra chị T có nơi ở ổn định và chung sống cùng cha mẹ ruột tại địa chỉ số D2/064, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên có sự hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cho con. Nhận thấy, chị T có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Phương U cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thùy T được ly hôn với anh Nguyễn Đình S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 06/05/2019 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Đình S do chị Phạm Thị Thùy T không yêu cầu.

Anh S được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009155 ngày 06/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời

hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thùy T và anh Nguyễn Đình S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã G, H. T, T. Đồng Nai (số ĐKKH 204 quyền số 01/2012 ngày 27/10/2012);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Thành

